

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực tập doanh nghiệp 2 - MH1104050

Mã lớp học phần: 25311MH110405001 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410100001 | Nguyễn Đỗ Tuấn Anh    | 03/8/2003  |        |       |         |          | C26QT1 |         |
| 2   | 2410100015 | Triệu Thị Huỳnh Anh   | 13/8/2006  | Anh    |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 3   | 2410100018 | Trần Ngọc Ánh         | 16/07/2006 | Anh    |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 4   | 2410100021 | Nguyễn Thị Kim Cương  | 09/04/2006 | Cuo    |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 5   | 2410100026 | Lê Thanh Dương        | 22/12/2006 | Da     |       | 8,0     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 6   | 2410100004 | Tạ Duy Đăng           | 16/10/2006 |        |       | 7,5     | Bảy, năm | C26QT1 |         |
| 7   | 2410100019 | Nguyễn Thị Thúy Hằng  | 28/02/2006 | Hang   |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 8   | 2410100029 | Lê Chí Hậu            | 05/11/2006 | Hau    |       | 7,5     | Bảy, năm | C26QT1 |         |
| 9   | 2410100017 | Nguyễn Đức Hậu        | 31/01/2006 | Hau    |       | 7,5     | Bảy, năm | C26QT1 |         |
| 10  | 2410100025 | Nguyễn Quốc Huy       | 10/06/2006 | Huyes  |       | 7,0     | Bảy, năm | C26QT1 |         |
| 11  | 2410100031 | Nguyễn Bùi Tiểu Huyền | 11/12/2006 |        |       | 7,0     | Bảy, năm | C26QT1 |         |
| 12  | 2410100012 | Võ Thị Ngọc Huyền     | 11/12/2006 | Huyen  |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 13  | 2410100003 | Võ Nguyễn Ngọc Linh   | 07/09/2005 |        |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 14  | 2410100028 | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 25/01/2006 |        |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 15  | 2410100020 | Phạm Thị Ái Nhi       | 03/08/2006 |        |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 16  | 2410100024 | Phạm Kiều Nhung       | 06/09/2006 |        |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 17  | 2410100008 | Nguyễn Trần Ngọc Thi  | 23/06/2002 |        |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 18  | 2410100016 | Lê Thị Ngọc Thu       | 23/03/2006 |        |       | 8,5     | Tam, năm | C26QT1 |         |
| 19  | 2410100002 | Phạm Trung Trục       | 04/07/2004 |        |       | 7,5     | Bảy, năm | C26QT1 |         |
| 20  | 2410100010 | Trần Thanh Trúc Xuân  | 11/10/2002 |        |       | 7,0     | Bảy, năm | C26QT1 |         |

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 49 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 21 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 7 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng